

Số: /BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách về các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách tại kỳ họp lần thứ hai, khóa X

Để chuẩn bị cho kỳ họp lần thứ hai HĐND tỉnh khoá X, ngày 02 tháng 8 năm 2021, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức cuộc họp Ban để thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực KT-NS. Ban KT-NS xin báo cáo với các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

1. Thẩm tra Báo cáo số 185/BC-UBND tỉnh ngày 30 tháng 7 năm 2021 về tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm; dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2021:

Qua xem xét báo cáo, Ban KT-NS nhận thấy trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế, xã hội của Tỉnh tiếp tục gặp khó khăn do dịch bệnh Covid 19 kéo dài và diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn đã làm nhiều doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; giao thông đi lại, giao thương hàng hóa đình trệ, nhất là các mặt hàng nông sản của Tỉnh khó khăn trong tiêu thụ, giá cả thấp, . . . Nhưng với sự lãnh đạo, điều hành linh hoạt của UBND tỉnh, sự quyết tâm của ngành Tài chính, Thuế, Hải quan kết quả thực hiện thu, chi NSNN 6 tháng đạt so với dự toán.

a) Thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm là 4.485 tỷ đồng, đạt 55,1% dự toán năm, tăng 2,13% so với cùng kỳ, một số khoản thu lớn có mức tăng cao như: thu XSKT, đạt 61%; thu tiền sử dụng đất, đạt 75%; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, đạt 265,39%,... tiến độ thu ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi theo dự toán.

b) Tổng chi cân đối NSDP 6 tháng đầu năm là 5.374 tỷ đồng, đạt 42% dự toán năm, trong đó chi cho đầu tư phát triển là 1.651 tỷ đồng, đạt 49% so dự toán năm; chi thường xuyên là 3.678 tỷ đồng, đạt 43% so với dự toán năm. Các nhiệm vụ chi ngân sách đảm bảo yêu cầu, đáp ứng tiến độ chi theo các nhiệm vụ đề ra, trong đó ưu tiên nguồn chi cho công tác phòng, chống dịch và an sinh xã hội.

c) Về Cân đối ngân sách: Theo báo cáo của UBND tỉnh, ước thực hiện thu nội địa cả năm 2021 là 8.036 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Nhìn chung, trong điều kiện thu còn nhiều khó khăn, nhưng công tác tổ chức điều hành NSNN chặt chẽ, nguồn thu cơ bản đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán.

Tuy nhiên, trong thực hiện dự toán NSNN, đề nghị UBND Tỉnh làm rõ thêm một số nội dung sau đây:

- Tuy xét trên tổng thể dự toán thu ngân sách 6 tháng đạt và vượt dự toán, nhưng xét theo cơ cấu từng khoản thu thì nhận thấy nguồn thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm chưa bền vững, các khoản thu quan trọng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của 3 khu vực kinh tế (Doanh nghiệp nhà nước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Doanh nghiệp khu vực kinh tế - NQD) trong những tháng đầu năm chưa đạt dự toán¹ (nếu loại trừ số thu XSKT và thu tiền sử dụng đất) thì số thu nội địa đạt 47,94% dự toán.

- Tình hình nợ thuế còn ở mức cao, số phát sinh mới có chiều hướng gia tăng; tổng số nợ thuế đến 30/6 là 480,171 tỷ đồng, chiếm 5,98% dự toán thu NSNN năm 2021, số phát sinh mới trong 6 tháng đầu năm là 123,767 tỷ đồng.

- Một số nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt cao và hoàn thành so với dự toán², ngoài yếu tố thu đột biến (*doanh nghiệp nộp tiền sử dụng đất 01 lần cho cả vòng đời dự án*); một phần là do chưa dự báo sát tình hình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 những tháng cuối năm 2020 chưa sát nên công tác lập dự toán thu cho năm 2021 chưa sát với thực tế.

Đề nghị UBND Tỉnh làm rõ thêm một số nội dung sau đây:

Những giải pháp nào để khắc phục nợ đọng thuế trong những tháng cuối năm và những năm tiếp theo để tăng nguồn thu đáp ứng nhiệm vụ chi trong điều kiện Tỉnh cần nguồn trong phòng chống dịch và thực hiện an sinh xã hội.

d) Về giải pháp thực hiện thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2021

Ban KT-NS thống nhất với các giải pháp điều hành dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2021 của UBND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh cần quan tâm một giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Duy trì, phục hồi hoạt động doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, tạo việc làm cho người lao động; thực hiện phương châm “cứu doanh nghiệp như cứu người bệnh” để hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp hoạt động nhằm tạo và nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách được ổn định.

- Tăng cường công tác thu hồi nợ thuế, quyết tâm thu đạt chỉ tiêu số nợ thuế trên /dưới 90 ngày năm 2020 chuyển sang; đến cuối năm tổng nợ thuế không vượt 5% dự toán NSNN năm 2021 và không để phát sinh mới nợ thuế; đôn đốc thu dứt điểm các khoản nộp ngân sách theo kiến nghị xử lý của Kiểm toán nhà nước, Đoàn Thanh tra, Kiểm tra.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu, điều hành chi NSNN chặt chẽ. Rà soát lại dự toán chi, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết và tiết kiệm chi thường xuyên; hạn chế tối đa việc chi chuyển nguồn NSNN hoặc hủy dự toán do các khoản chi không đạt dự toán. Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc mua sắm công, nhất là vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19. Quan tâm đánh giá, dự báo sát tình hình phục hồi kinh tế những tháng cuối năm 2021 và căn cứ Chỉ thị 20 của Thủ tướng để xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 sát thực tế, phát huy hiệu quả các nguồn thu ngân sách.

1- Thu từ DNNN, đạt 40,79%; thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đạt 49,91%; thu từ Doanh nghiệp khu vực kinh tế - NQD, đạt 44,70%;

2 - Thu XSKT, đạt 61%; thu tiền sử dụng đất, đạt 75%; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, đạt 265,39%,...

- Chỉ đạo cơ quan tài chính phối hợp với các ngành, các cấp tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh Báo cáo quyết toán thu, chi NSNN năm 2020; đánh giá thực hiện dự toán NSNN năm 2021; xây dựng dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách năm 2022 và kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 báo cáo Bộ Tài chính và trình HĐND tỉnh đảm bảo thời gian quy định.

2. Thẩm tra Báo cáo số 183/BC-UBND tỉnh ngày 30 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021.

a) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư 6 tháng đầu năm 2021:

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh trong 6 tháng đầu năm như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công của Tỉnh quản lý và phân bổ là 4.929,139 tỷ đồng³ (không bao gồm tiền sử dụng đất 750 tỷ), tăng 999,384 tỷ đồng so với kế hoạch đầu năm 2021 (do vốn đầu tư 2020 chuyển nguồn theo quy định 999,4 tỷ đồng). Qua xem xét, Ban KTNS có ý kiến như sau:

Ngoài các yếu tố khách quan tác động đến công tác triển khai kế hoạch vốn như: những tháng đầu năm phải tập trung cho công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19; cùng với giá cả vật liệu xây dựng tăng cao và khó khăn về nguồn cung cấp cát cho các công trình, dự án... Thì trong triển khai kế hoạch còn quá nhiều yếu tố chủ quan tác động ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai kế hoạch vốn đầu tư công trong 6 tháng đầu năm, như:

- Còn tình trạng nhiều chủ đầu tư chuẩn bị dự án sơ sài để đăng ký kế hoạch vốn đầu tư, nhưng khi đi vào thẩm định chi tiết còn nhiều sai sót phải điều chỉnh nhiều lần, nhất là điều chỉnh tổng mức đầu tư, dẫn đến công tác lập, đăng ký kế hoạch vốn chưa sát với nhu cầu vốn thực tế, đây cũng là trách nhiệm của các chủ đầu tư chưa quan tâm đúng mức trong sử dụng nguồn vốn phân bổ cho công tác chuẩn bị đầu tư để lập dự án có chất lượng.

- Năm 2021 là năm đầu triển khai kế hoạch vốn 05 năm, do đó các ngành, địa phương tập trung cho công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các công trình dự án thuộc kế hoạch 05 năm, nhưng các Sở chuyên ngành chưa chủ động, có giải pháp hiệu quả khắc phục tình trạng quá tải trong thẩm định công trình, dự án đã ảnh hưởng đến phân bổ kế hoạch vốn những tháng đầu năm.

- Khâu giải phóng mặt bằng chậm, ngoài nguyên nhân về quy trình thời gian thực hiện kéo dài trên 224 ngày theo quy định, thì trong triển khai thực hiện còn nhiều bất cập kéo dài chậm được cải thiện, cũng như điều chỉnh cho phù hợp như: công tác khảo sát, kiểm điểm lập phương án bồi thường chậm, chất lượng thấp phải rà soát điều chỉnh bổ sung nhiều lần dẫn đến người bị thu hồi đất khiếu nại; chính sách bồi thường chưa toàn diện, chậm điều chỉnh so với thực tế phát triển của địa phương; công tác bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chưa được quan tâm

3- Trong đó: Vốn XD CB tập trung 1.131,485 tỷ đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT 1.500 tỷ đồng; Vốn NSTW là 1.263,824 tỷ (vốn nước ngoài 310 tỷ); nguồn Chính phủ vay về cho vay lại 34,5 tỷ đồng và vốn đầu tư 2020 chuyển nguồn theo quy định 999,4 tỷ đồng;

đúng mức, khi ra quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quỹ nền tái định cư phù hợp bố trí và giá cả áp dụng bồi thường là cây trồng còn thấp so với các tỉnh lân cận,....

Tính đến ngày 30/6/2021 UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết 3.048,911 tỷ đồng (kể cả 34,5 tỷ đồng vốn ODA địa phương vay lại của Trung ương), đạt 77,58% kế hoạch vốn 2021 (không bao gồm vốn chuyển nguồn 2020), còn 880,898 tỷ đồng chưa phân bổ. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công tính đến 30 tháng 6 đạt 17,72%/ kế hoạch vốn đã phân bổ, thấp hơn 0,84% so với cùng kỳ (năm 2020 là 18,56%).

b) Về giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2021:

Ban KT-NS cơ bản thống nhất với 04 nhóm giải pháp của UBND tỉnh đề ra. Tuy nhiên, để triển khai kế hoạch đầu tư công đạt kết quả cao những tháng cuối năm 2021 và những năm tiếp theo. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm thêm một số giải pháp:

- Ngoài việc rà soát, kiểm tra và tiến hành phân bổ hết vốn cho từng dự án thì cần sự hỗ trợ tích cực cho chủ đầu tư trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình, dự án để có khối lượng hoàn thành đúng quy định làm cơ sở cho việc giải ngân.

- Có giải pháp và lộ trình cụ thể để sớm khắc phục nguyên nhân chủ quan trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nêu trên và đề xuất rút ngắn thời gian trong quy trình thu hồi đất và bồi thường, tái định cư phù hợp với quy mô từng dự án.

c) Đề nghị UBND tỉnh quan tâm làm rõ thêm việc khắc phục những hạn chế do nguyên nhân chủ quan như:

- Làm rõ hơn nguyên nhân dẫn đến quá tải trong thẩm định của Sở chuyên ngành, giải pháp cụ thể hơn để khắc phục trong thời gian tới, có xem xét gắn trách nhiệm của người đứng đầu Sở chuyên ngành trong thẩm định hồ sơ dự án công trình.

- Làm rõ nguyên nhân chất lượng công tác lập dự án, chuẩn bị đầu tư đạt chất lượng thấp phải điều chỉnh nhiều lần; (trước đây các chủ đầu tư nêu lý do không có nguồn vốn thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, nay Tỉnh đã quan tâm bố trí nhưng các chủ đầu tư dự án chưa quan tâm sử dụng nguồn vốn này dẫn đến hàng năm phải điều chỉnh nguồn vốn này sang cho công tác thực hiện đầu tư).

3. Thẩm tra Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Trong thời gian qua, Tỉnh đã quan tâm triển khai một số chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động Khoa học và Công nghệ; nhiều doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ và đã có sự phát triển đáng kể, giúp doanh nghiệp thấy được vai trò và tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống. Tuy nhiên trong triển khai chính sách vẫn còn một số bất cập phải tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định hiện hành.

Để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong phát triển sản xuất, kinh doanh ngày càng tốt hơn. Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh là thực sự cần thiết và phù hợp với quy định⁴.

b) Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KTNS có ý kiến như sau:

- Về đối tượng hỗ trợ, cơ bản đã bám sát vào tình hình thực tế các loại hình doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang hoạt động trên địa bàn Tỉnh, nhằm tạo điều kiện các cơ sở đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao giá trị thương hiệu và sản phẩm, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Về nội dung và định mức hỗ trợ dựa trên cơ sở kế thừa một số nội dung và định mức chi đang thực hiện theo Quyết định 12/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh, và có điều chỉnh, bổ sung một số nội dung và mức hỗ trợ mới cho phù hợp với quy định hiện hành và nhu cầu thực tế hoạt động của các cơ sở nhằm kiểm soát chất lượng và nguồn gốc sản phẩm,...

Qua xem xét, Ban nhận thấy Hội quán là tổ chức xã hội, không phải là tổ chức kinh tế được hưởng chính sách. Tuy nhiên, đối với Các Hội quán có hoạt động kinh tế và có ứng dụng khoa học công nghệ là cần thiết, sẽ hỗ trợ thông qua Tổ hợp tác và Hợp tác xã hình thành từ Hội quán và phù hợp quan điểm chỉ đạo của Tỉnh và ý kiến của cử tri về hỗ trợ các chính sách để Hội quán hoạt động hiệu quả,...

Vì vậy, Ban đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

- Điều chỉnh Điều 1 của Nghị quyết: “Điều 1. Thống nhất ban hành....”.

- Điều chỉnh Điều 9 của Quy định kèm theo Nghị quyết “ Điều 9. Quản lý kinh phí hỗ trợ: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước”

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét biểu quyết thông qua.

4. Thẩm tra Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về phương án lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (vốn ngân sách Trung ương).

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

4- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hướng dẫn chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên gia công nghệ và Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030.

một số điều của Luật Đầu tư công; Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn 3889/BKHĐT-KTĐPLT ngày 21/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân Tỉnh rà soát lại danh mục dự án về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (nguồn vốn NSTW) đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp⁵ trình Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua phương án lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (vốn ngân sách Trung ương) là cần thiết và đúng quy định.

b) Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁶ và Phương án lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (vốn ngân sách Trung ương), trên cơ sở kế thừa phương án lập tại Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND Tỉnh (lần 2) và có điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng giao cho tỉnh Đồng Tháp.

Theo Công văn số 419/TTg-KTTH dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đồng Tháp là 22.405,555 tỷ đồng, giảm 3.601,645 tỷ đồng so với phương án lập tại NQ 330 của HĐND Tỉnh (trong đó: Vốn cân đối NSDP giảm: 1.588,2 tỷ đồng; Vốn NSTW, giảm: 2.083,445 tỷ đồng).

Để đảm bảo nguồn lực phục vụ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND Tỉnh phương án giữ nguyên kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương là 17.449 tỷ đồng theo đúng phương án tại NQ 330/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh và điều chỉnh tăng thêm 68,4 tỷ đồng từ nguồn vốn ODA⁷ thuộc nguồn vốn Trung ương so với dự kiến kế hoạch Thủ tướng giao;

Ban KT-NS thống nhất giữ nguyên danh mục dự án và mức vốn cân đối ngân sách địa phương là 17.449 tỷ đồng theo đúng phương án tại NQ 330/2020/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh và danh mục dự án, mức vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ như UBND tỉnh trình, với các nội dung cơ bản như sau:

Dự kiến tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh là 24.062,155 tỷ đồng, trong đó:

a. Vốn cân đối ngân sách địa phương là 17.449 tỷ đồng, gồm:

⁵ Nghị quyết số 379/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

⁶ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

⁷ - Nhu cầu vốn ODA thực tế của các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 còn thiếu 68,4 tỷ đồng so với mức dự kiến của Trung ương

- Vốn ngân sách tập trung: 6.637 tỷ đồng;
- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.287 tỷ đồng;
- Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 7.525 tỷ đồng.

b. Vốn ngân sách Trung ương là 6.613,155 tỷ đồng (cao hơn 68,4 tỷ đồng so với số dự kiến của trung ương), cụ thể:

- Vốn trong nước: 5.806,155 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA): 807 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Ban KT-NS kiến nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

- Làm rõ thêm nguyên nhân UBND Tỉnh trình HĐND Tỉnh phương án lập kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh chậm so với thời gian quy định trước **ngày 13 tháng 5 năm 2021** tại công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Chủ động phương án phân khai nguồn vốn quy hoạch, vốn chuẩn bị đầu tư đối với các chương trình, dự án giai đoạn 2021 - 2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ.

- Tiếp tục theo dõi, kiến nghị Trung ương xem xét sớm hỗ trợ cho Tỉnh đầu tư các dự án đã có kế hoạch dự kiến sử dụng vốn TPCP, Các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Vốn nước ngoài (ODA),... và Rà soát, hoàn thành thủ tục và kiến nghị Chính phủ sớm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu công nghiệp Ba Sao.

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh và trình Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh sau khi Quốc hội khóa XV giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công năm 2019, đảm bảo tính khả thi cao trong sử dụng nguồn dự phòng.

Ban Kinh tế - Ngân sách, Đề nghị HĐND tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết sau khi các kiến nghị của Ban được UBND Tỉnh làm rõ.

5. Thẩm tra Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp.

a) Cơ sở pháp lý và Sự cần thiết:

Với mục tiêu thúc đẩy phát triển khu vực Nam sông Tiền tỉnh Đồng Tháp trở thành trung tâm kinh tế xã hội vùng Nam Sông Tiền-Bắc Sông Hậu và tạo điều kiện thuận lợi để kết nối liên vùng của Tỉnh và trong khu vực trung tâm đồng bằng Mêkông, nên việc đầu tư dự án này là rất cần thiết và phù hợp với các quy định về đầu tư công⁸ và định hướng phát triển giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp đang được tích hợp vào quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

8- Luật Đầu tư công 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công 2019; Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của

b) Thẩm tra nội dung Tờ trình:

Thông tin một số nét cơ bản về dự án:

Dự án Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp, có tổng mức đầu tư là 2.936 tỷ đồng (trong đó: Vốn TW dự kiến: 1.734 tỷ đồng⁹; Vốn địa phương đối ứng 909 tỷ đồng), dự án thuộc nhóm A do HĐND Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; dự án thực hiện đi qua 03 địa phương: huyện Lấp vò, Lai Vung và Tp Sa Đéc; với quy mô cấp II đồng bằng (xã Tân Mỹ đến Sa Đéc), cấp III đồng bằng (TT xã Long Hưng A đến QL54, tổng chiều dài 27,3 km,... hình thức đầu tư xây dựng mới.

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

Dự án đầu tư Xây dựng Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp, đã được Sở Giao thông – Vận tải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án; được Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư Tỉnh thẩm định đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (báo cáo số 159)¹⁰.

Do vậy, trình tự lập hồ sơ, lập và thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án, đảm bảo theo quy định tại Điều 9, Nghị định 40 của Chính phủ¹¹.

Tóm lại, Dự án Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp đủ điều kiện để xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

c) Thẩm tra dự thảo Nghị quyết:

Qua thẩm tra, Ban KT-NS nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định¹², Ban cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình.

Tuy nhiên, đề nghị bổ sung vào Điều 2 nội dung: Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

6. Thẩm tra Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về Ban hành Nghị Quyết Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

HĐND tỉnh về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2).

9- Công văn số 4092/BKHĐT-KTĐPLT ngày 28/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

10- Báo cáo số 159/BC-HĐTĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng thẩm định Chủ trương đầu tư Tỉnh về Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp.

11- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

12- Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08 ngày 19 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Để kịp thời hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước quý giá, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, do đó Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét quyết định là cần thiết, đảm bảo đúng quy trình và phù hợp quy định pháp luật¹³.

b) Thẩm tra nội dung Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS Thống nhất với các mức hỗ trợ cho từng chính sách vì đây là mức quy định bằng mức hỗ trợ tối đa quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

- Tuy nhiên, đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

+ Đề nghị bổ sung căn cứ: *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020; Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

+ Điều chỉnh Điều 5. Nguồn vốn và hình thức hỗ trợ: “- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và Nguồn vốn huy động hợp pháp khác; - Hình thức: Hỗ trợ theo Chương trình, dự án phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Điều chỉnh “Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và Tổ chức quản lý, thanh quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật hiện hành”.

+ Điều chỉnh “Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

7. Thẩm tra Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về thay thế Nghị quyết số 358/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Trong thời gian chờ Trung ương phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 05/10/2020, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 358/2020/NQ-HĐND¹⁴ để kéo dài thời gian thực hiện Quy hoạch.

¹³ Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.

¹⁴ Nghị quyết số 358/2020/NQ-HĐND để kéo dài thời gian thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát, đất sét) và than bùn trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020 ;

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện NQ 358 phát sinh khó khăn như: khi thực hiện kéo dài thời gian thực hiện Quy hoạch sau năm 2020 nhưng không điều chỉnh cho phép khai thác sản lượng được phép khai thác sau năm 2020, dẫn đến năm 2021 và các năm tiếp theo không có sản lượng khai thác để tiếp tục cấp phép khai thác phục vụ cho các công trình trọng điểm của Tỉnh và của Trung ương đi qua địa bàn Tỉnh. Để kịp thời tháo gỡ khó khăn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về vật liệu xây dựng cát sông sử dụng cho các công trình, dự án quan trọng của Tỉnh và của Trung ương đầu tư qua địa bàn Tỉnh năm 2021 và các năm tiếp theo. Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghị Quyết thay thế Nghị quyết số 358/2020/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định¹⁵.

b) Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình và hoàn thiện Nghị quyết theo quy định¹⁶.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh và dự án của Trung ương qua địa bàn tỉnh không bị gián đoạn, chậm tiến độ ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân. Ban KT-NS cơ bản thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình:

Tuy nhiên, để đảm bảo quản lý chặt chẽ trong khai thác khoáng sản, Ban nghị bổ sung vào Điều 2 nội dung “trong quản lý và phân bổ: tiếp tục cấp phép, gia hạn khai thác đối với trữ lượng của các mỏ còn có thể khai thác trong trữ lượng quy hoạch giai đoạn 2016 - 2020 (trong 15.847.532m³) và một số mỏ phải khai thác thêm trong trữ lượng giai đoạn sau năm 2020 (phê duyệt Quy hoạch là 33,571 triệu m³), nhưng đảm bảo không vượt công suất được phép khai thác giai đoạn 2016 – 2020 là 11.050.000m³/năm (trong đó, cát san lấp 8.950.000m³, cát xây dựng 2.100.000m³)”.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

8. Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của UBND Tỉnh Về việc bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết

Cuối năm 2020, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 382/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 381/2020/NQ-HĐND¹⁷, để triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2021. Trong quá trình thực hiện một số công trình dự án, có thu hồi đất đã hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện dự án. Để có cơ sở cho địa phương xác lập các thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy

15- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

¹⁶ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

¹⁷ Nghị quyết số 382/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Nghị quyết số 381/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước để thực hiện án năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

định. Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa nước vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là cần thiết và với các quy đúng quy định¹⁸.

b) Nội dung Tờ trình:

Qua xem xét, Ban KT-NS cơ bản thống nhất như nội dung UBND tỉnh trình, cụ thể như sau:

- Danh mục thu hồi đất: số dự án thu hồi đất bổ sung là 89 dự án, với diện tích đất thu hồi là 652,99 ha;¹⁹

Tuy nhiên, cần lưu ý đối với các dự án bổ sung kêu gọi đầu tư: vì đây là dự án sử dụng quỹ đất lớn, đặc biệt là những dự án có diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, UBND Tỉnh đề ra giải pháp hiệu quả để quản lý tốt quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, mang tính khả thi cao nhằm hạn chế phát sinh quy hoạch treo ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong vùng quy hoạch.

- Điều chỉnh tên, địa điểm, tăng, giảm diện tích thu hồi đất của 23 dự án²⁰:

- Chuyển mục đích đất trồng lúa nước bổ sung để thực hiện dự án: Tổng diện tích đất lúa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp bổ sung lần này để thực hiện cho 26 dự án, với diện tích đất lúa là 23,55 ha.

Tuy nhiên, Đề nghị UBND Tỉnh làm rõ thêm việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án sau:

- Đề nghị làm rõ Việc dự án Nhà máy gạch men Hà Thanh của Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh đã xây dựng hoàn thành và đang trong giai đoạn hoạt động, nhưng UBND Tỉnh mới bổ sung dự án Nhà máy gạch men Hà Thanh vào kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện, với diện tích 8,85 ha.

- Dự án khu đô thị mới khu vực xã Mỹ Trà, phường Mỹ phú TP Cao Lãnh và xã An Bình, huyện Cao Lãnh; được HĐND Tỉnh thống nhất thực hiện dự án tại Nghị quyết 276/NQ-HĐND, với diện tích quy hoạch 92,713 ha (đất lúa 72,96 ha, đất cây lâu năm 8,66 ha và đất khác):

+ Làm rõ việc điều chỉnh thành 02 dự án; (Tổng diện tích quy hoạch tăng lên 101 ha; đất lúa: 74,96 ha, đất cây lâu năm: 8,41 ha và đất khác).

18- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

19- Vốn Trung ương: bổ sung 02 dự án với diện tích đất thu hồi 109,53 ha; Vốn tỉnh: bổ sung 09 dự án với diện tích đất thu hồi 142,60 ha; Vốn huyện: bổ sung 72 dự án có với diện tích đất thu hồi 103,24 ha; Dự án kêu gọi đầu tư: Bổ sung 06 dự án với diện tích đất thu hồi là 297,62 ha;

20- 1. Điều chỉnh tên, tăng diện tích cho 07 dự án, diện tích tăng là 3,039 ha (Vốn Tỉnh 01 dự án, diện tích tăng là 0,33 ha; Vốn huyện 06 dự án, diện tích tăng là 2,709 ha); 2. Điều chỉnh tên, giảm diện tích cho 03 dự án, diện tích giảm là 9,62 ha (Vốn Tỉnh 01 dự án, diện tích giảm là 3,27 ha; Vốn huyện 02 dự án, diện tích giảm là 6,35 ha); 3. Điều chỉnh tăng diện tích cho 08 dự án, diện tích tăng là 3,338 ha (Vốn Tỉnh 01 dự án, diện tích tăng là 0,84 ha; Vốn huyện 07 dự án, diện tích giảm là 2,498 ha); 4. Điều chỉnh tên, giữ y địa điểm, diện tích cho 03 dự án; 5. Điều chỉnh 01 dự án thành 02 dự án và tăng diện tích là 8,92 ha;

+ Làm rõ UBND Tỉnh có văn bản thống nhất điều chỉnh dự án này có đúng thẩm quyền ?; trong khi dự án này được điều chỉnh bằng Nghị quyết HĐND tỉnh;

- Kiến nghị UBND Tỉnh rà soát bổ sung những dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án khi thật sự mang tính cấp thiết phải triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.

c) Thẩm tra dự thảo Nghị quyết:

Ban KT-NS thống nhất dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

8. Thẩm tra Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính²¹, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết 102/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC²² thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết 102/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND Tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành²³

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định²⁴;

Các mức thu giữ nguyên theo mức thu hiện tại; có bổ sung mới 03 nội dung thu và chi tiết lại các nội dung thu hiện tại cho phù hợp yêu cầu thực tế, cụ thể:

- **Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã:**

+ Bổ sung nội dung “Đăng ký kết hôn lại”: mức thu 20.000 đồng/trường hợp.

21- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

22- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

23- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

²⁴ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ Bổ sung nội dung “Hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước”:
mức thu .

- Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện

+ Bổ sung nội dung “Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài”:
mức thu 50.000 đồng.

- Mức thu áp dụng đối với việc cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Sổ hộ tịch tại Sở Tư pháp

+ Bổ nội dung “Cấp bản trích lục hộ tịch”: mức thu 5.000 đồng/ bản, do thực hiện thu theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC²⁵

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

9. Thẩm tra Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính²⁶, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số Số: 103/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC²⁷ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 103/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành²⁸.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

25-Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

26- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

27- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

28- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định²⁹;

Các mức thu giữ nguyên theo mức mức thu hiện tại và có bổ sung nội dung, mức thu: Cấp gia hạn giấy phép lao động với mức thu là 450.000 đồng/giấy phép, bằng với mức thu cấp lại giấy phép, theo hướng dẫn mới tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP³⁰.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

10. Thẩm tra Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính³¹, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết 104/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Nghị quyết 144/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 bổ sung NQ 104.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC³² thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết 104 và Nghị quyết 144 là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành³³

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

- Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định³⁴ và dự thảo Nghị quyết lần này đã tích hợp nội dung của 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 104/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 và Nghị quyết số 144/2017/NQ-HĐND, ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND Tỉnh;

29- Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

30- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

31- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

32- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

33- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

34- Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Các mức thu giữ nguyên theo mức thu hiện tại và điều chỉnh căn cứ cho phù hợp với quy định hiện hành.

Do vậy, Ban KT-NS cơ bản thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình.

Tuy nhiên, Đề UBND Tỉnh bổ sung vào khoản 4, Điều 1, đối tượng miễn thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với “Người có công với cách mạng; Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo; Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh” vì một số Tỉnh lân cận có quy định đối tượng này được miễn thu.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

11. Thẩm tra Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính³⁵, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết 105/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND Tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC³⁶ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết 105 của HĐND Tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành³⁷

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định³⁸;

Các mức thu giữ nguyên theo mức thu hiện tại và có điều chỉnh căn cứ pháp lý cho phù hợp với quy định hiện hành.

Tuy nhiên, xem xét bổ sung đối tượng miễn thu lệ phí (miễn thu lệ phí cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ) cho người có công

35- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

36- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

37- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

³⁸ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

với cách mạng, hộ nghèo, người khuyết tật (vì một số Tỉnh lân cận có quy định đối tượng này được miễn thu)

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

12. Thẩm tra Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính³⁹, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số Số: 106/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁴⁰ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 106/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁴¹.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁴².

Các mức thu được điều chỉnh giảm mạnh so với mức thu hiện tại, nhằm hỗ trợ, khuyến khích phong trào khởi nghiệp của Tỉnh, cụ thể:

- Mức thu cấp mới do cấp tỉnh; cấp huyện cấp: 50.000 đồng/lần cấp (giảm 250.000 đồng; giảm 100.000 đồng).

- Mức thu cấp lại: 50.000 đồng/lần cấp (giảm 50.000 đồng đồng/lần cấp).

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

13. Thẩm tra Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết chấm dứt hiệu lực Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

39- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

40- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

41- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

42- Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁴³, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Thực hiện Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014, từ năm 2021, tỉnh Đồng Tháp cấp căn cước cho công dân, ngừng không cấp mới, cấp đổi chứng minh nhân dân. Đồng thời, Lệ phí cấp căn cước công dân do Bộ Tài chính quy định, không thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Do vậy, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁴⁴.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS cơ bản thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Theo quy định hiện nay thì từ đầu năm 2021, cả nước đã ngừng cấp mới, cấp đổi chứng minh nhân dân, chuyển sang cấp thẻ Căn cước công dân và thu lệ phí theo quy định Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.

Tuy nhiên, điều chỉnh bổ sung một số nội dung sau:

- Tên Nghị quyết điều chỉnh cụm từ “Chấm dứt hiệu lực” thành cụm từ “Bãi bỏ”.
- Đề nghị bổ sung vào Căn cứ “Căn cứ Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014 và Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.
- Tại Điều 1, đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chấm dứt hiệu lực” thành “Thống nhất bãi bỏ”; đồng thời bỏ đoạn “Lý do: Hiện tại đã chuyển sang cấp thẻ căn cước công dân và thu lệ cấp thẻ căn cước”.

43- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

44- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.

- Đề nghị điều chỉnh Điều 2 thành “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này”.

- Bổ sung “ Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này”.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

14. Thẩm tra Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁴⁵, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 99/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁴⁶ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 99/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁴⁷

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất nội dung UBND Tỉnh trình, vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁴⁸;

Các mức thu giữ nguyên theo mức thu hiện tại và chỉ thay đổi căn cứ theo Thông tư 85 của Bộ Tài chính.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

15. Thẩm tra Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

45- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

46- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

47- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁴⁸ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

và sử dụng phí thăm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁴⁹, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số Số: 168/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí thăm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁵⁰ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí thăm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 168/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁵¹.

2. Thăm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁵²;

Các nội dung và mức thu giữ nguyên theo mức thu hiện tại và điều chỉnh căn cứ pháp lý phù hợp quy định hiện hành.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

16. Thăm tra Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁵³, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 91/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí

49- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

50- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

51- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁵² Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

53- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁵⁴ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 91/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁵⁵

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁵⁶;

Các mức thu cơ bản giữ nguyên so với hiện tại và có điều chỉnh, bổ sung 02 nội dung thu cho phù hợp với quy định Thông tư 113 của BTC⁵⁷, cụ thể:

Điều chỉnh giảm mức thu đối với “*Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm*” từ 70.000 đồng xuống 30.000 đồng/hồ sơ và bổ sung nội dung “*Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm*”, với mức thu là 25.000 đồng/trường hợp, bằng với quy định Thông tư 113 của BTC.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

17. Thẩm tra Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁵⁸, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí

54- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

55- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm

56 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

57- Thông tư số 113/2017/TT-BTC, ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm

58- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁵⁹ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁶⁰.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁶¹;

Tuy các mức thu có điều chỉnh tăng so với mức thu hiện hành, nhưng tăng từ bằng và thấp hơn mức thu quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BTC⁶², cụ thể:

- Điều chỉnh tăng mức phí bình tuyến, công nhận cây mẹ,...từ 1.500.000đồng/lần lên 2.000.000đồng/lần (thấp hơn so với quy định 400.000 đồng).

- Bổ sung thêm nội dung thu phí bổ sung “mức phí của công nhận nguồn giống: 600.000 đồng/01 lô giống” bằng với mức quy định tại Thông tư 14.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét, biểu quyết thông qua Nghị quyết.

18. Thẩm tra Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính⁶³, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số Số: 93/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của

59- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

60- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp;

61- Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

62- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

63- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

HĐND Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý, sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC⁶⁴ thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do vậy, để đảm bảo tính pháp lý, hiệu lực của Nghị quyết QPPL của Hội đồng nhân dân Tỉnh, UBND Tỉnh đã rà soát trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý, sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 93/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành⁶⁵.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình, Vì:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁶⁶;

Các mức thu giữ nguyên theo các mức thu hiện tại và có điều chỉnh căn cứ cho phù hợp với quy định hiện hành.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

19. Thẩm tra Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ⁶⁷, HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 198/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh về xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Qua thời gian thực hiện đã phát sinh một số bất cập như: chưa phân cấp mạnh việc quyết định xác lập sở hữu toàn dân đối với các tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng, cho thủ trưởng đơn vị ngành tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện;....

Nhằm đẩy mạnh phân cấp và chủ động trong việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân về tài sản trong thời gian tới Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội

64- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

65-Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

66 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

67 Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 27 ngày 21 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

đồng nhân dân Tỉnh thay thế Nghị quyết số 198/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của HĐND Tỉnh là cần thiết và đúng quy định.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị quyết lần này, cho thấy quyết tâm của UBND tỉnh trong thực hiện cải cách hành chính và đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý; nâng cao tinh thần, trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; theo đó:

1. Về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

- Phân cấp cho Thủ trưởng các Sở ngành cấp tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (**không quy định giá trị tài sản**); **thẩm quyền này trước đây là của Giám đốc Sở Tài chính, quy định giá trị dưới 500 trđ/đv TS.**

- Bổ sung thêm thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

+ Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế.

+ Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan cấp huyện ký hợp đồng dự án.

2. Về phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

- Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

+ Bổ sung thẩm quyền Chủ tịch UBND Tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quyết định tịch thu của cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Trung ương.

+ Không quy định giá trị tài sản khi Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh lập phương án xử lý tài sản thuộc cấp mình tịch thu (**trước tài sản có giá trị dưới 500 trđ**).

+ Bổ sung thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản do cấp xã tịch thu.

Các nội dung khác không thay đổi so với Nghị quyết số 198 của HĐND Tỉnh.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

20. Thẩm tra Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của UBND Tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết:

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn trong mua sắm, xử lý tài sản công cho các cơ quan đơn vị; tăng chính chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh

đôi với quyết định mua sắm và xử lý tài sản công trong thời gian tới nên Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 166/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 quy định về phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và đúng quy định.

2. Thẩm tra nội dung tờ trình, Dự thảo Nghị quyết:

Qua xem xét, Ban KT-NS thống nhất với nội dung UBND Tỉnh trình. Cụ thể:

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện đúng quy trình theo quy định⁶⁸ và HĐND Tỉnh giao UBND Tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền mua sắm, xử lý tài sản công nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt và nâng cao trách nhiệm của UBND Tỉnh trong chỉ đạo điều hành mua sắm, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

21. Thẩm tra Báo cáo số 169/BC-UBND tỉnh ngày 21 tháng 7 năm 2021 của UBND Tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2021.

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế 6 tháng đầu năm 2021.

Do tác động của dịch bệnh từ năm 2020 và trong những tháng đầu năm 2021 dịch Covid-19 tiếp tục bùng phát trở lại tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước, trong đó có Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Nam. Dịch bệnh đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, phải đóng cửa, tạm ngưng hoạt động làm cho công nhân mất việc làm với số lượng lớn; lưu thông hàng hóa nông sản đình trệ do thực hiện nhiệm vụ chống dịch giữa các tỉnh, thành, đã làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng hóa sụt giảm, nhất là hàng hóa nông sản,... Từ đó, đã tác động rất lớn đến lĩnh vực kinh tế Tỉnh nhà, cụ thể:

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ hàng nông sản của Tỉnh còn nhiều khó khăn, như: khoai lang huyện Châu Thành không tiêu thụ được phải giải cứu, tiêu thụ trái cây (xoài, cây có múi, nhãn, mít, ôi,...) chậm và giá thấp, thậm chí không có thương lái đến mua; dịch tả lợn châu phi, cúm gia cầm còn xuất hiện lại tại một số địa phương;...

- Hoạt động sản xuất doanh nghiệp bị tác động nặng nề, trong 6 tháng đầu năm có 122 doanh nghiệp giải thể, 155 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động và 147 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh đã tác động rất lớn đến đời sống người công nhân mất việc làm; đồng thời là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến các nguồn thu ngân sách (khu vực ngoài quốc doanh) không đạt dự toán.

- Tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 còn rất chậm, tiến độ giải ngân đạt rất thấp 17,7%; tổng vốn đầu tư công chưa phân khai còn lớn trên 880 tỷ đồng;

- Giá xăng dầu, giá vật tư xây dựng tăng liên tục tăng những tháng đầu năm, cùng với dịch Covid-19 bùng phát mạnh những tháng giữa năm đã làm đứt gãy

⁶⁸ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

chuỗi cung ứng hàng hóa làm cho giá cả các hàng hóa, sản phẩm thiết yếu phục vụ đời sống người dân tăng ở mức cao làm cho đời sống người dân đã khó còn khó khăn hơn,...

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với kết quả đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh trong nhiệm vụ phát triển kinh tế 6 tháng đầu năm 2021. Mặc dù, bối cảnh chung của kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng UBND Tỉnh đã có những bước đi chủ động, kịp thời triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương⁶⁹, tập trung cao độ thực hiện mục tiêu kép “Vừa phòng, chống dịch; vừa phát triển kinh tế”, trong đó, nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh được ưu tiên thực hiện để nhân dân, doanh nghiệp trong Tỉnh an tâm sản xuất, kinh doanh. Từ đó, kinh tế của Tỉnh có tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm đạt 4,44% cao hơn cùng kỳ 2,17% (cùng kỳ đạt 2,27%), đây là mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh khó khăn chung; cả 03 khu vực đều tăng trưởng⁷⁰, trong đó khu vực 3 có mức tăng trưởng khá cao bằng 5,73% (so với cùng kỳ là -0,56%).

Để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế 6 tháng cuối năm, Ban KT-NS đề nghị UBND Tỉnh quan tâm làm rõ thêm một số nội dung sau:

- Nhân tố nào đã đóng góp vào giá trị tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm đạt 4,44% cao hơn cùng kỳ 2,17% (cùng kỳ đạt 2,27%), để tiếp tục thúc đẩy, tăng cường và phát huy nhằm đóng góp cho tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm.

- Công tác triển khai kế hoạch vốn đầu tư công còn rất chậm, nhưng theo đánh giá của UBND tỉnh chủ yếu là nguyên nhân chủ quan: năng lực, chuyên môn hạn chế, nhà thầu yếu, ... là chính (*theo giám sát, thẩm tra Ban KTNS nhận thấy các nguyên nhân này đã kéo dài rất nhiều năm và UBND tỉnh đã có nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ nhưng đến nay chưa được cải thiện*). Đề nghị UBND tỉnh làm rõ thêm vì sao những nguyên nhân chủ quan nêu trên chậm được khắc phục?

2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng điểm 6 tháng cuối năm 2021

Ban Kinh tế - Ngân sách đánh giá cao những nỗ lực và hiệu quả từ các nhiệm vụ, giải pháp mà UBND Tỉnh đã và đang triển khai thực hiện nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Ngoài 13 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm mà UBND Tỉnh đề ra nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu năm 2021 đạt mức tăng trưởng kinh tế (GRDP) là 7%. Ban Kinh tế – Ngân sách, đề nghị UBND Tỉnh quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

⁶⁹- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022; Công văn số 4154/BKHĐT-TH ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2021 Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

⁷⁰- Ngành sản xuất nông nghiệp tiếp tục duy trì; Sản xuất công nghiệp từng bước khôi phục và công nghiệp chế biến các ngành hàng chủ lực; Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định; Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện;....

- Triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Duy trì, phục hồi hoạt động doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, tạo việc làm cho người lao động; rà soát các chính sách, cân đối nguồn lực để hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, sẵn sàng chuẩn bị cho giai đoạn hậu Covid-19. Phát huy vai trò của Quỹ về hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ khởi nghiệp; thúc đẩy sự phát triển, nâng cao năng lực, hiệu quả của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu, điều hành chi NSNN chặt chẽ. Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc mua sắm công, nhất là vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19. Quan tâm đánh giá, dự báo sát tình hình phục hồi kinh tế những tháng cuối năm 2021 và căn cứ Chỉ thị 20 của Thủ tướng để xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 sát thực tế, phát huy hiệu quả các nguồn thu ngân sách.

- Khẩn trương rà soát các danh mục dự án đủ điều kiện để phân khai kịp thời và đúng quy định đối với số vốn còn lại. Đồng thời, đề ra các giải pháp mạnh mẽ hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 cho những tháng cuối năm và thực hiện nghiêm Mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 theo quy định tại Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ⁷¹; Sớm rà soát, điều chỉnh các chính sách liên quan đến công tác bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh.

22. Thẩm tra Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30 - ĐT.845 (điều chỉnh).

1. Sự cần thiết điều chỉnh dự án:

Dự án Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30 - ĐT.845 được HĐND Tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 388/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020, theo đó dự kiến nguồn vốn Trung ương hỗ trợ là 1.400 tỷ đồng, vốn đối ứng ngân sách địa phương 780 tỷ đồng (XSKT; Vốn tăng thu, tiết kiệm chi).

Sau khi Trung ương thẩm định theo tiêu chí hỗ trợ dự án kết nối, có tác động liên vùng theo quy định tại Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14⁷², thì nguồn vốn Trung ương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ cho dự án là 1.200 tỷ đồng theo thông báo tại công văn số 419/TTg-KTTH⁷³.

Do đó, để đảm bảo dự án thực hiện đúng quy mô đầu tư phê duyệt ban đầu, UBND Tỉnh trình HĐND Tỉnh điều chỉnh cơ cấu giảm nguồn vốn Trung ương hỗ trợ theo thẩm định và cân đối bổ sung thêm nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương là phù hợp và cần thiết.

2. Thẩm tra nội dung Tờ trình:

⁷¹- Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

⁷²- Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

⁷³- Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Qua xem xét Ban KTNS có ý kiến như sau:

Cơ bản Mục tiêu, quy mô đầu tư Dự án Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30 - ĐT.845 không thay đổi so với phê duyệt ban đầu, chỉ có điều chỉnh thay đổi cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm nguồn vốn Trung ương từ 1.400 tỷ xuống còn 1.200 tỷ đồng, đã được Trung ương thẩm định và thông báo.

- Điều chỉnh tăng 200 tỷ đồng đối ứng nguồn vốn ngân sách địa phương từ 780 tỷ lên 980 tỷ đồng, đã được Hội đồng thẩm định của Tỉnh thống nhất cân đối từ nguồn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý và phân bổ giai đoạn 2021-2025.

Do vậy, Ban KTNS thống nhất với quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư Xây dựng tuyến đường ĐT.857 đoạn QL30 – ĐT.845 (điều chỉnh), như UBND Tỉnh trình. Trong đó, cơ cấu nguồn vốn (điều chỉnh) như sau

- Vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025: 1.200 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách Tỉnh quản lý và phân bổ (vốn NSTT, XSKT, Tăng thu, tiết kiệm chi), giai đoạn 2021-2025: 980 tỷ đồng;

Các nội dung còn lại của dự án như phê duyệt ban đầu.

3. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban KT-NS thống nhất dự thảo Nghị quyết;

Đề nghị HĐND Tỉnh xem xét biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh về các Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực kinh tế - ngân sách được trình tại kỳ họp lần thứ hai, khóa X.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Tô Hoàng Khương